**TUẦN 3**

Tiếng việt (tăng)

**Luyện tập: Dấu gạch ngang. Lượt lời**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Củng cố cách dùng dấu gạch ngang để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại.Biết nói đúng lượt lời trong đối thoại để thể hiện phép lịch sự.

- Phát triển năng lực văn học.

**2. Năng lực chung**.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Yêu bố mẹ, biết quý trọng những điều bố mẹ đã làm cho mình. Biết nhận lỗi và xin lỗi.Giữ trật tự trong lớp, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point; PBT bài 2

**2. Học sinh**: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Khởi động  - Em hãy nêu tác dụng của dấu gạch ngang.  - Các nhận vật trong câu chuyện đối thoại như thế nào?  🠢 Chốt: *Các dấu gạch ngang trong bài đọc được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại. Khi nói chuyện với nhau, để giữ phép lịch sự nhân vật này nói xong lượt của mình, nhân vật khác mới nói.* | + Đánh dấu lời nói của các nhân vật trong câu chuyện./ Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại.  + Nhân vật này nói xong lượt của mình, nhân vật khác mới nói. |
| 2. Luyện tập  ****Bài 1**.Tìm các câu có chứa dấu gạch ngang (dấu -) trong đoạn văn sau:**  ***Lạc đà bước trên đường, trên cổ nó có một sợi thừng. Chuột chạy đến cắn đầu sợi thừng rồi huyênh hoang:***  *- Mọi người xem này, tôi có thể kéo một con lạc đà!*  *Lạc đà không nói gì, tiếp tục đi. Đến bờ sông, nó bảo chuột:*  *- Cậu qua sông trước đi.*  *- Nước quá sâu, tôi qua sao được?*  *- Chuột à, yên tâm đi, nước chỉ sâu đến đầu gối của tôi thôi.* | |
| - Yêu cầu HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2 tìm câu chứa dấu gạch ngang.  - Theo dõi, nhận xét.  - Các dấu gạch ngang trong đoạn văn được dùng để làm gì?  🠢Chốt: Các dấu gạch ngang trong bài đọc được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại*.* | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 2.  - Đại diện HS trình bày. Nhóm khác theo dõi, nhận xét:  *- Mọi người xem này, tôi có thể kéo một con lạc đà!*  *- Cậu qua sông trước đi.*  *- Nước quá sâu, tôi qua sao được?*  *- Chuột à, yên tâm đi, nước chỉ sâu đến đầu gối của tôi thôi*  - ... được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại./... đánh dấu lời nói của các nhân vật trong câu chuyện. |
| ****Bài 2.**** Đoạn văn kể lại cuộc trò chuyện.  Tìm câu sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu lời nhân vật trong cuộc trò chuyện.  *Ngồi dưới gốc cây, Sóc buồn vì chú phải một mình đón Tết.*  *Bỗng một cô chim xinh xẻo từ đâu bay đến, run rẩy đậu trên chiếc ghế cạnh Sóc Nhỏ:*  *- Lạnh quá! Lạnh quá!*  *Nghe bạn than thở, Sóc bảo:*  *- Tớ đón Tết một mình còn thấy lạnh hơn.*  *- Hay là tớ ở lại với cậu nhé?*  *- Hay quá! Chúng mình sẽ cùng đón năm mới.* | |
| - GV đọc câu chuyện  - GV đưa ra một số câu hỏi:  +Trong câu chuyện, Sóc Nhỏ buồn vì điều gì?  + Thấy bạn than thở, chim đã nói gì?  - Tìm trong đoạn văn trên câu nào chứa dấu gạch ngang?  - Các dấu gạch ngang trong đoạn văn được dùng để làm gì?  🠢Chốt: Các dấu gạch ngang trong bài đọc được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại. | - HS chú ý nghe.  -… vì phải đón Tết một mình.  *-* Hay là tớ ở lại với cậu nhé?  - HS đọc các câu chứa dấu gạch ngang.  - Các dấu gạch ngang trong đoạn văn được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật trong đối thoại. |
| Bài 3. Đoạn văn kể lại cuộc trò chuyện. Tìm câu sử dụng lượt lời nghi vấn đánh dấu lời nhân vật trong cuộc trò chuyện  *Vào đến sân, Bác nhìn ngôi nhà tranh đã được dựng lại trên đất cũ và nói:*  *-Tôi nhớ chỗ này còn có một hàng cây.*  *Sau đó, Bác đi ra cửa sau, chỉ vào hàng rào và bảo:*  *-Trước kia ở đây có cây ổi ngọt, quả sai lắm.*  *Ra ngõ gặp một cụ già, Bác cảm động nhìn cụ và hỏi:*  *-Có phải ông Điền không?*  *Rồi Bác đi tới, nắm lấy tay cụ trò chuyện thân mật.* | |
| - Yêu cầu HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS tìm câu chứa lượt lời nghi vấn.  - GV theo dõi, nhận xét.  🠢Chốt: Khi nói chuyện với nhau, để giữ phép lịch sự nhân vật này nói xong lượt của mình, nhân vật khác mới nói. | - HS đọc, xác định yêu cầu.  - HS làm việc cá nhân tìm câu chứa lượt lời nghi vấn.  + *Có phải ông Điền không?* |
| 3. Vận dụng:  - Tổ chức HS đối thoại về một vấn đề tuỳ HS chọn.  - Tiết học hôm nay, em được luyện tập kiến thức gì?  - GV nhận xét tiết học. | * HS trao đổi trong nhóm cặp. * Vài HS hội thoại trước lớp.   Dấu gạch ngang, lượt lời. |

Tiếng việt (tăng)

**Ôn tập về từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm**

**I . YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực đặc thù.

- Củng cố về từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.

- Rèn kĩ năng tìm từ, nhận biết từ, đặt câu, viết đoạn văn có sử dụng các từ loại trên.

- Phát triển năng lực văn học: Biết sử dụng từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm đã học vào viết câu.

**2. Năng lực chung.**

- Phát triển năng lực giao tiếp; giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**3. Phẩm chất.**

- Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point; PBT bài 2

**2. Học sinh**: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Khởi động:**  - Cho HS thảo luận câu hỏi: Cho ví dụ về các từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm.  GV chốt:  *từ chỉ người*  *-Từ chỉ sự vật bao gồm: từ chỉ đồ vật*  *Từ chỉ con vật.....*  *tính tình của người*  *Từ chỉ đặc điểm màu sắc của vật*  *hình dáng của người,vật ...*  **2. Luyện tập**  **Bài 1**: (PHT) Chọn và điền các từ chỉ sự vật dưới đây vào đúng cột:  *xe đạp, công nhân, xích lô, hiệu trưởng, máy bay, tàu thuỷ, quạt trần, máy nổ, công nhân, hổ, voi, thợ mỏ, khoai lang, giá sách, bút bi, vịt, dê, chuột, rắn, chanh, táo, lê, ếch, chó, gà, mèo, lợn, xúp lơ, tía tô, bộ đội, học sinh, kĩ sư, thầy giáo, xu hào, bắp cải, cà rốt, cam.*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Từ chỉ người | Từ chỉ đồ vật | Từ chỉ con vật | Từ chỉ cây cối | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |   - Kiểm tra, chữa bài, nhận xét.  **🠢Chốt:** Từ chỉ sự vật bao gồm những từ chỉ gì?  **Bài 2**: Ghi lại các từ chỉ hoạt động trong câu sau:  a) Con trâu *ăn* cỏ.  b) Đàn bò *uống* nước dưới sông.  c) Con ruồi *đậu* mâm xôi đậu.  d) Tôi *trông* em để bố mẹ đi làm.  đ) Em Nguyên đang *đọc* truyện thiếu nhi.  - Theo dõi, nhận xét.  - Chữa bài chung cả lớp.  🠢Củng cố về từ chỉ hoạt động: Từ chỉ hoạt động là những từ chỉ sự vận động, cử động của người, loài vật, sự vật (được nhân hóa)  **Bài 3:** Tìm các từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn sau:  Biết chị trêu nhưng tôi vẫn thấy *vui*. Lần đầu tiên tôi viết nhãn vở kia mà. Giá được đến lớp ngay hôm nay nhỉ? Tôi sẽ khoe với các bạn chiếc nhãn vở *đặc biệt* này: nhãn vở tự tay tôi viết.  - Mời 1 HS đọc yêu cầu đề bài.  - Trao đổi N2 cùng bạn và làm bài.  - Nhận xét, đánh giá.  🠢Củng cố kiến thức về từ chỉ đặc điểm: Từ chỉ đặc điểm là những từ miêu tả đặc điểm, tính chất (hình dáng, màu sắc, mùi vị, kích thước,…) của sự vật.  **Bài 4**: Tìm 2 từ chỉ đặc điểm và 2 từ chỉ hoạt động và đặt câu với 3 đến 4 từ đó theo mẫu câu: Ai là gì? Ai làm gì?  *\*KKHS tìm nhiều hơn và đặt được nhiều câu hơn.*  - Khi đặt câu em cần lưu ý điều gì?  - Chữa bài, nhận xét.  🠢Củng cố cho HS kĩ năng đặt câu.  **3.Vận dụng:**  - Em hãy tìm 1 từ chỉ sự vật. Nói câu với từ tìm được.  - Chốt lại kiến thức về từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.  - Nhận xét tiết học. | - HS thảo luận nhóm 2  - Nêu trước lớp.  - HS đọc, xác định đề và làm cá nhân vào phiếu học tập.  - 1 HS làm bảng lớp.  - Từ chỉ sự vật bao gồm những từ chỉ người, đồ vật, con vật, cây cối, hiện tượng thiên nhiên...  - HS xác định đề và làm vào vở.  Đ/a: ăn, uống, đậu, trông, đọc.      - HS đọc đề bài và xác định yêu cầu.  - Báo cáo kết quả.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét.  - Xác định yêu cầu.  - … đầu câu viết hoa, cuối câu đặt dấu chấm.  - HS làm cá nhân vào vở  - Vài HS đọc bài trước lớp.  - HS tìm và nói trong N2 |

Tiếng việt (tăng)

**Luyện tập: Kể lại một cuộc trò chuyện**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Viết được đoạn văn ngắn khoảng 7-8 câu kể một mẩu chuyện có đối thoại. Viết câu đúng ngữ pháp, mắc ít lỗi chính tả.

- Củng cố cách sử dụng dấu hai chấm và dấu gạch ngang dùng báo hiệu lời nói trực tiếp của nhân vật.

- Phát triển năng lực văn học: Biết kể một mẩu chuyện có ý nghĩa.

**2. Năng lực chung.**

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Biết lắng nghe, luyện tập viết đúng, đẹp.Nhận xét, trao đổi về cách viết chính tả của bạn.

**3. Phẩm chất.**

- Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi viết chữ.Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point; PBT bài 2

**2. Học sinh**: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Khởi động:**   - GV mở bài hát “Chữ đẹp mà nết càng ngoan”.  + Cho HS lắng nghe bài hát.  + Cùng trao đổi nội dung bài hát với HS.   1. **Luyện tập:**   Đề bài: Trong tuần vừa qua em đã được trò chuyện với những ai? Em hãy viết đoạn văn kể lại một cuộc trò chuyện mà em thích nhất.  *Bước 1:*  - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  - GV yêu cầu HS quan sát, đọc gợi ý các bước viết một bài văn trong sơ đồ hình tròn.  + Viết về gì?  + Tìm ý  + Sắp xếp ý  + Viết  + Hoàn chỉnh  - GV mời cả lớp thảo luận nhóm 2 theo bước 1, 2, 3 trong sơ đồ.  Gợi ý:  + Câu chuyện em định kể em sẽ trò chuyện với ai? Ở đâu? Lúc nào?  + Trong câu chuyện, em và người đó nói những gì?  Lưu ý HS: Sắp xếp ý đúng trình tự, trong câu chuyện phải có lời đối thoại của nhân vật, lời nói cần báo hiệu bằng dấu hai chấm và dấu gạch ngang...  *Bước 2:* Viết đoạn văn  - GV yêu cầu HS viết vào vở ô li.  - GV theo dõi, giúp đỡ các em viết bài.  *Bước 3:* Giới thiệu đoạn văn.  - GV tổ chức cho HS đọc và chữa bài cho nhau.  - GV mời một số HS đọc kết quả bài làm của mình trước lớp.  - GV mời HS nhận xét  - GV hướng dẫn HS nhận xét bài của bạn về cách dùng từ, sắp xếp ý.  - GV thu một số bài đánh giá và nhận xét sửa những lỗi chung HS thường mắc phải. (VD: lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi trình bày lờ nói trực tiếp của nhân vật,…) | - HS lắng nghe bài hát.  - Cùng trao đổi với GV về nhận xét của mình về nội dung bài hát  - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.  - HS quan sát, đọc gợi ý trong sơ đồ hình tròn.  - HS thảo luận nhóm đôi.  -Câu chuyện giữa em và các bạn trong nhóm bàn về việc chuẩn bị cho Tết Trung thu.  - Em và các bạn bàn xem sẽ mua những gì để bày mâm cỗ….  - HS viết bài vào vở ô li.  - HS đọc và chữa bài cho nhau trong nhóm 4.  - Vài HS đọc bài viết của mình trước lớp.  - HS khác nhận xét.  - HS nộp vở để GV kiểm tra, đánh giá. |
| 3. Vận dụng:  GV có thể tổ chức cho HS trực tiếp trò chuyện về kết quả học tiết học viết văn hôm nay.  - Nhận xét tiết học. | - Vài cặp HS hỏi đáp trực tiếp trước lớp. |

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*